

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 534 /UBND-VP

Lâm Thao, ngày 02 tháng 4 năm 2020

V/v thực hiện danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, cấp xã.

Kính gửi:

- Phòng Văn hóa và Thông tin;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 24/03/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 24/03/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực VH&DL thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện, UBND cấp xã; để danh mục thủ tục hành chính trên được thực hiện đúng, đầy đủ, thống nhất trên địa bàn huyện, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu phòng Văn hóa và Thông tin, UBND các xã, thị trấn thực hiện một số nội dung sau:

1. Thực hiện tốt các nội dung tại danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, cấp xã và niêm yết tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, cấp xã (Sao gửi kèm văn bản này); đồng thời chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để nhân dân biết, áp dụng.

2. Nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện các thủ tục hành chính và thông tin, phản ánh về UBND huyện (qua phòng Văn hóa và Thông tin) để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Thọ.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- Như trên;
- CVP, PCVP HĐND&UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện;
- Lưu: VT, HC (Tú-20b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Xuân Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **620** /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày **24** tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính Phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2019 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tại Tờ trình số 28/TTr-SVHTTDL ngày 18/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 26/10/2018; Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.


Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các

huyện, thành, thị; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Bộ VH, TT và DL (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (Ô Báo);
- Công giao tiếp điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VX2, NC1, NC4 (B.286b)

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Quang

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TỈNH PHÚ THỌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I LĨNH VỰC VĂN HÓA					
1	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.
2	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.
3	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	15 ngày làm việc (kể từ ngày UBND cấp xã nhận được thông báo)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.
4	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 12 năm 2000. Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh Thư viện.

					<p>Thông tư số 56/2003/TT-BVHTT ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin về hướng dẫn chi tiết về điều kiện thành lập thư viện và thủ tục đăng ký hoạt động thư viện.</p> <p>Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng.</p> <p>Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
II	LĨNH VỰC THỂ THAO				
5	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	<p>Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006.</p> <p>Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao.</p> <p>Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể thao cơ sở.</p>

Handwritten signature/initials

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **619** /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày **21** tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính Phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2019 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tại Tờ trình số 28/TTr-SVHTTDL ngày 18/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 26/10/2018; Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các

huyện, thành, thị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Bộ VH, TT và DL (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (Ô Báo);
- Công giao tiếp điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VX2, NC1, NC4 (B.34b)

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Quang

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TỈNH PHÚ THỌ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC VĂN HÓA				
1	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu 6.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên, mức thu 12.000.000 đồng/giấy. - Tại các khu vực khác: + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu 3.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên, mức thu 6.000.000 đồng/giấy. 	<p>Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</p> <p>Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</p>
2	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	04 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: các cơ sở đã được cấp 	<p>Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.</p> <p>Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10</p>

			phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đ/phòng. - Tại các khu vực khác: các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu 1.000.000 đ/phòng.	tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.
3	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”.
4	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.
5	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

		<p>họp Hội đồng thi đua - khen thưởng. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả Hội đồng thi đua - khen thưởng, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa.</p>			
6	<p>Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”</p>	<p>05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện</p>	<p>Không</p>	<p>Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”.</p>
7	<p>Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”</p>	<p>05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện</p>	<p>Không</p>	<p>Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”.</p>
8	<p>Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”</p>	<p>05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện</p>	<p>Không</p>	<p>Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ</p>

9	Thủ tục công nhận lại "Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	tục xét và công nhận "Phường đạt chuẩn văn minh đô thị"; "Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị". Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận "Phường đạt chuẩn văn minh đô thị"; "Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị".
10	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội
11	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội
12	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000. Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh Thư viện. Thông tư số 56/2003/TT-BVHTT ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin về hướng dẫn chi tiết về điều

					<p>kiện thành lập thư viện và thủ tục đăng ký hoạt động thư viện. Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng. Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
II LĨNH VỰC GIA ĐÌNH					
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	30 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	<p>Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư</p>

14	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	<p>vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010.</p> <p>Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p>
15	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	<p>Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010.</p> <p>Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một</p>

16	<p>Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình</p>	<p>30 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện</p>	<p>Không</p>	<p>số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010.</p>
					<p>Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi</p>

17	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	<p>tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010.</p>
					<p>Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010.</p>

18	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	<p>Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010.</p>
----	---	--	---	-------	--